

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 03/GPMT-KCNĐN ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp cho phép Nhà máy Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Miavit Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất, phối trộn hỗn hợp vitamin, khoáng chất, premix, dinh dưỡng, phụ gia dùng trong chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản với quy mô 4.000 tấn/năm" tại Nhà xưởng số 44, đường 10 (Cụm xưởng cho thuê giai đoạn 4), Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Nhà máy Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Miavit Việt Nam tại Văn bản số 27/2025/CV ngày 29 tháng 04 năm 2025 về việc đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất, phối trộn hỗn hợp vitamin, khoáng chất, premix, dinh dưỡng, phụ gia dùng trong chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản với quy mô 4.000 tấn/năm"; Văn bản số 02/CV-MVN ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất, phối trộn hỗn hợp vitamin, khoáng chất, premix, dinh dưỡng, phụ gia dùng trong chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản với quy mô 4.000 tấn/năm" và các hồ sơ kèm theo;



Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Long Thành tại Tờ trình số 941/TTr-TNMT ngày 11 tháng 6 năm 2025 và Văn bản số 1178/NNMT-MTKS ngày 23 tháng 6 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Nhà máy Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Miavit Việt Nam, địa chỉ tại Nhà xưởng số 44 và Nhà xưởng số 45, đường 10 (Cụm xưởng cho thuê giai đoạn 4), Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất, phối trộn hỗn hợp vitamin, khoáng chất, premix, dinh dưỡng, phụ gia dùng trong chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản với quy mô 4.000 tấn/năm” tại Nhà xưởng số 44 và Nhà xưởng số 45, đường 10 (Cụm xưởng cho thuê giai đoạn 4), Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở “Nhà máy sản xuất, phối trộn hỗn hợp vitamin, khoáng chất, premix, dinh dưỡng, phụ gia dùng trong chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản với quy mô 4.000 tấn/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng số 44 và Nhà xưởng số 45, đường 10 (Cụm xưởng cho thuê giai đoạn 4), Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh 0314177174-001, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 02 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 0314177174-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, phối trộn hỗn hợp vitamin, khoáng chất, premix, dinh dưỡng, phụ gia dùng trong chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích nhà xưởng của cơ sở là 10.773,7m².
- Nhóm dự án: Cơ sở nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Cơ sở nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.
- Công suất: Sản xuất, phối trộn hỗn hợp vitamin, khoáng chất, premix, dinh dưỡng, phụ gia dùng trong chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, công suất 4.000 tấn sản phẩm/năm.
- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu đầu vào → Sàng → Trộn → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà máy Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Miavit Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nhà máy Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Miavit Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm khí thải sau xử lý đạt giới hạn quy chuẩn hiện hành; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 25...tháng...năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Long Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- Nhà máy Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Miavit Việt Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (B/c);
- Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện (3 bản chính);
- Trang Thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Tam An;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;
- Lưu: VT - NN (PNNMT).

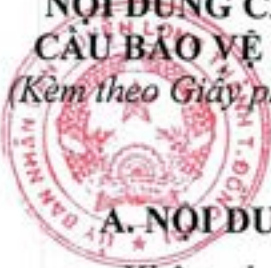
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Thân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 36.12/GPMT-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Long Thành, không xả ra môi trường). Nhà máy Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Miavit Việt Nam hợp đồng với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành xử lý nước thải theo Hợp đồng số 138/HĐ-SZL-KDĐT.NT ngày 28 tháng 8 năm 2019.

- Nhà máy Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Miavit Việt Nam đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Long Thành.

- Chủ cơ sở không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hố ga đầu nối:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ tại văn phòng được dẫn Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh dành cho công nhân bên ngoài nhà xưởng 44 được dẫn bằng hệ thống đường ống về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó sẽ dẫn vào đường ống dẫn về hố ga tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp Long Thành.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu văn phòng nhà xưởng 44 được dẫn bằng hệ thống đường ống về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó sẽ dẫn vào đường ống dẫn về hố ga tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp Long Thành.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà bảo vệ được dẫn bằng hệ thống đường ống về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó sẽ dẫn vào đường ống dẫn về hố ga tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp Long Thành.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu phòng nghiên cứu phát triển mẫu nhà xưởng 45 được dẫn bằng hệ thống đường ống về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó sẽ dẫn vào đường ống dẫn về hố ga tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp Long Thành.

- Không phát sinh nước thải sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên → Bể tự hoại 3 ngăn → 01 hố ga thu gom nước thải tập trung tại cơ sở → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Long Thành trên đường số 10.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Long Thành, không xả trực tiếp ra môi trường; Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; Kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật.

3.3. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Long Thành để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP VỚI KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 302/GPMT-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

1.1. Nguồn phát khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ máy móc thiết bị cân định lượng số 1.
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ thiết bị máy móc cân định lượng số 2.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ thiết bị máy móc tại công đoạn sàng nguyên liệu.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ thiết bị máy móc tại công đoạn trộn nguyên liệu.
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ thiết bị máy móc tại công đoạn đóng gói.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

+ Dòng khí thải số 01: tương ứng với 01 ống thải sau hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế $4.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Tọa độ: $X = 1195192$; $Y = 408618$.

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: $4.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả thải: liên tục 24/24 giờ khi có hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất vô cơ theo Quy chuẩn Việt Nam 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của cơ sở), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m^3	-	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.
2	Bụi (PM)	mg/Nm^3	200	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn Việt Nam 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và Quy chuẩn Việt Nam 20:2009/BTNMT.

*** Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025: đề nghị chủ dự án rà soát, thực hiện theo QCVN 19:2024/BTNMT (ban hành kèm theo Thông tư 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).**

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

Bụi phát sinh từ thiết bị máy móc trong quá trình sản xuất được thu gom bằng hệ thống xử lý công suất 4.500 m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý xử lý: 01 hệ thống

- Tóm tắt quy trình xử lý: Bụi phát sinh → Họng hút trực tiếp tại thiết bị → đường ống dẫn chính → Thiết bị lọc bụi bằng tấm lọc → Quạt hút → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 4.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tấm lọc bụi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ 03 tháng/lần tiến hành kiểm tra các thiết bị xử lý chất thải; vệ sinh đường ống hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, ngừng vận hành các dây chuyền sản xuất phát sinh nguồn thải; báo cáo với các cơ quan chức năng và khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành

hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2024/2/GPMT-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: từ khu vực sàng, trộn, đóng gói;
- Nguồn số 02: Từ thiết bị quạt hệ thống xử lý bụi bằng tấm lọc.

1.2. Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: tọa độ: X: 1195205; Y: 408621
- Nguồn số 2: tọa độ: X: 1195225; Y: 408630

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và Quy chuẩn Việt Nam 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT		Quy chuẩn Việt Nam 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{Aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Phân bố các nguồn gây ồn cao ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;
- Lắp đặt các đệm cao su cho máy móc thiết bị phát sinh độ rung cao;
- Tăng cường các vách ngăn nhà xưởng, tường ngăn giữa các khu vực có máy móc thiết bị có thể gây ồn lớn bằng vật liệu có khả năng cách âm nhằm hạn chế tác động đến công nhân làm việc ở các khu vực khác;

- Trang bị nút tai chống ồn và các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân làm việc ở khu vực sản xuất và có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân (đặc biệt lưu ý kiểm tra chặt chẽ tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao), đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân;
- Định kỳ tổ chức đo kiểm tra tiếng ồn nơi làm việc tối thiểu 1 lần/năm;
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao;

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn Việt Nam 24:2016/BTNMT) và độ rung (Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư 07/2025/BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3012/GPMT-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	6	NH
2	Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	12	NH
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	24	KS
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	48	KS
5	Pin ắc quy thải	19 06 01	Rắn	12	NH
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	96	KS
7	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	60	KS
8	Chế phẩm gây độc	13 02 03	Rắn	4.200	NH
9	Chất thải y tế từ quá trình khám, sơ cứu cho người lao động	13 01 01	Rắn	12	NH
10	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (CaCO_3 từ quá trình vệ sinh)	19 12 03	Rắn	4.000	KS
Tổng cộng				8.470	

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường	Số lượng đăng kí (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại(*)
1	Cát sạn	2.886		
2	Giấy loại bỏ từ văn phòng, bao bì giấy, bìa carton	5.500	18 01 05	TT-R
3	Tấm lọc bụi thải bỏ	20	-	-
4	Mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với các loại trên	6	08 02 06	TT
Tổng cộng		8.412		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Nhóm chất thải rắn sinh hoạt	Mã chất thải	Số lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	-	36
	- <i>Chất thải rắn thực phẩm</i>	-	10,8
	- <i>Chất thải rắn có thể sử dụng tái chế</i>	-	7,2
	- <i>Chất thải rắn sinh hoạt khác</i>	-	18
Tổng cộng			36

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 08 phuy có nắp đậy thể tích từ loại 100, 120, 200 lít, bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư 07/2025/BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Thiết kế, cấu tạo và diện tích khu lưu chứa:

+ Diện tích: 11,5 m².

+ Thiết kế nền chống thấm, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ. Vị trí bố trí theo đúng quy định tại Điều 35 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư 07/2025/BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Kho lưu chứa.

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa: 7 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Nền bê tông, vách ngăn cách.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: 10 thùng dung tích 10 lít và 08 thùng 100 - 200 lít có nắp đậy bố trí tại các phân xưởng sản xuất.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư 07/2025/BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3012/GPMT-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

1. Hoạt động đúng ngành đã đăng ký thực hiện cơ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, mã số chi nhánh 0314177174-001, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 02 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải vào hệ thống thu gom nước mưa, nước thải của Khu Công nghiệp Long Thành.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.
5. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan.
6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.
8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả.
9. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn hóa chất, tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành.
10. Trong quá trình hoạt động trường hợp cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan.
11. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai các thông tin môi trường của cơ sở trên trang thông tin điện tử của cơ sở và đơn vị cho thuê hạ tầng hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện hoạt động cơ sở theo quy định tại điểm b, điểm a Khoản

1 Điều 102 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

12. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.